TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ A** TỈNH GIA LAI ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 50/2019/DS-ST
Ngày 08-10-2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thưởng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Dệt và ông Trần Viết Trà.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố A.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: quận H, Hà Nội; do ông Nguyễn Hữu Th, chức vụ Phó phòng giao dịch thành phố A thuộc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Gia Lai, làm đại diện (theo Quyết định ủy quyền số: 286/QĐ-BIDV.NGL ngày 11/3/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Gia Lai). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn D, sinh năm 1976; địa chỉ: 30A Y, phường Y, thành phố A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1977; địa chỉ: 30A Y, phường Y, thành phố A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2018, bản tự khai đề ngày 14/3/2019, nguyên đơn trình bày: Theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/4234942/HĐTD ngày 14/04/2016, Ngân hàng TMCP Đ đã cho ông Bùi Văn D vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay nói trên, ông Bùi Văn D và bà Lê Thị Kim L đã thế chấp tài sản là xe ô tô con Mitsubishi Triton biển số 81C-099.16 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/4234942/HĐBĐ ngày 14/04/2016.

Từ ngày vay đến kỳ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng TMCP Đ đã nhiều lần mời ông Bùi Văn D đến làm việc để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì ông D chỉ trả được 95.000.000 đồng tiền nợ gốc và 77.948.000 đồng tiền lãi suất. Từ đó đến nay ông Bùi Văn D chây ỳ và thiếu thiện chí trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay.

Xét thấy không còn khả năng tự thương lượng để giải quyết thu hồi nợ, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện ra trước Toà án để yêu cầu ông Bùi Văn D phải thanh toán toàn cho Ngân hàng TMCP Đ (thông qua Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Gia Lai toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 305.000.000 đồng và lãi suất của số tiền nợ gốc theo mức lãi đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nếu ông Bùi Văn D không thanh toán dứt điểm ngay toàn bộ số nợ gốc và lãi vay hiện còn nợ, thì Ngân hàng TMCP Đ đề nghị phát mại tài sản theo Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng của vụ án tại nơi cư trú của ông Bùi Văn D và bà Lê Thị Kim L; đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, như: Thông báo trên Thanh Niên, trong 03 số: 129, 130, 131, từ ngày 09 tháng 5 năm 2019 đến ngày 11 tháng 5 năm 2019; và nhắn tin trên Đài tiếng nói Việt Nam – Cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong 03 ngày: 09, 10, và 11/05/2019 và đăng thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, để thông báo và triệu tập ông Bùi Văn D và bà Lê Thị Kim L đến tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân thành phố A. Nhưng ông Bùi Văn D và bà Lê Thị Kim L không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Văn D phải trả số tiền nợ gốc là 305.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 08/10/2019 là 56.943.000 đồng, tiếp tục tính lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 09/10/2019 cho đến khi ông Bùi Văn D trả hết nợ. Nếu ông Bùi Văn D không thanh toán dứt điểm ngay toàn bộ số nợ gốc và lãi vay hiện còn nợ, thì Ngân hàng TMCP Đ đề nghị phát mại tài sản theo Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký để thu hồi nợ; Ngân hàng TMCP Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đăng tin.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*; bị đơn ông Bùi Văn D có địa chỉ tại thành phố A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân thành phố A theo lãnh thổ và cấp xét xử.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, việc cấp và tống đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cố tình trốn tránh, không tham gia phiên họp và phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Bùi Văn D phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền: 361.943.000 đồng (trong đó, nợ gốc là 305.000.000 đồng, nợ lãi suất tính đến ngày 08/10/2019 là 56.943.000 đồng). Nếu ông Bùi Văn D không trả hoặc trả không đủ nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/4234942/HĐBĐ ngày 14/04/2016 để thu hồi nợ.

-Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí đăng tin: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn là ông Bùi Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Người yêu cầu đăng tin đã tự nguyện chịu chi phí đăng tin là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 385 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là ông Bùi Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Kim L đã được Tòa án Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định tại các Điều: 179, 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Bùi Văn D và bà Lê Thị Kim L đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông Bùi Văn D và bà Lê Thị Kim L.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ tiền. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 01 Hợp đồng tín dụng và 01 Giấy đề nghị vay vốn. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Bùi Văn D có địa chỉ cư trú cuối cùng tại thành phố A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố A theo lãnh thổ và

cấp xét xử quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/4234942/HĐTD ngày 14/4/2016, giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Bùi Văn D được giao kết hợp pháp. Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Bùi Văn D vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 14/4/2016 đến 14/4/2021, lãi suất vay trong hạn là 8,5%/năm và được cố định đến ngày 30/9/2016. Từ ngày 01/10/2016 trở đi lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 60 tháng do Hội sở chính Ngân hàng TMCP Đ thông báo cộng thêm phí ngân hàng là 3,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Thời gian đầu khi đến hạn trả nợ gốc và lãi theo kế hoạch trả nợ, thì ông D chỉ trả được số tiền 95.000.000 đồng nợ gốc và 77.948.000 đồng tiền lãi suất tính đến hết ngày 25/7/2017. Từ đó đến nay, ông Bùi Văn D không trả số tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại cho Ngân hàng nữa. Vì vậy, ông Bùi Văn D đã vi phạm kế hoạch trả nợ gốc và lãi đã được hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2016/4234942.

[5] Tại Điều 9 của Điều khoản và điều kiện vay đính kèm Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/4234942/HĐTD ngày 14/4/2016, giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Bùi Văn D, hai bên đã thỏa thuận:

1. Bên vay được coi là vi phạm hợp đồng tín dụng trong các trường hợp sau:

a) Bên vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí phát sinh từ hợp đồng tín dụng và văn bản này;

2. Khi Bên vay có bất kỳ vi phạm nào trên đây, Ngân hàng được quyền yêu cầu Bên vay thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục trong một thời gian hợp lý do Ngân hàng quyết định. Trường hợp Bên vay không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ, Ngân hàng sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ, kể cả thu hồi nợ trước hạn.

[6] Tại Biên bản làm việc ngày 17/8/2018, ông Bùi Văn D đã xác nhận với Ngân hàng về nội dung hiện nay ông D còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc là 305.000.000 đồng và nợ lãi suất 13.296.306 đồng, hẹn trả toàn bộ nợ vay trước ngày 30/8/2018.

[7] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã Thông báo trên Thanh Niên, trong 03 số: 129, 130, 131, từ ngày 09 tháng 5 năm 2019 đến ngày 11 tháng 5 năm 2019; và nhắn tin trên Đài tiếng nói Việt Nam – Cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong 03 ngày: 09, 10, và 11/05/2019 và đăng thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, để thông báo và triệu tập ông Bùi Văn D và bà Lê Thị Kim L đến tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku. Nhưng ông Bùi Văn D và bà Lê Thị Kim L đã cố tình trốn tránh, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét những tài liệu, chứng

cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Tại Bảng tính lãi nợ vay đến ngày 08/10/2019, đối với khách hàng Bùi Văn D, do Ngân hàng cung cấp, cụ thể như sau:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/4234942/HĐTD ngày 14/4/216, giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Bùi Văn D, thì: Tổng số tiền gốc phải trả theo hợp đồng: 400.000.000 đồng; tiền gốc đã trả: 95.000.000 đồng; tiền lãi vay từ ngày 15/4/2016 đến ngày 08/10/2019: 134.891.000 đồng; tiền lãi phạt quá hạn: 1.925.000 đồng; tiền lãi thông thường: 132.966.000 đồng; tiền lãi đã trả: 77.948.000 đồng; tiền lãi phải trả: 56.943.000 đồng.

Tổng số tiền gốc, tiền lãi còn phải trả tính đến ngày 08/10/2019 là 361.943.000 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày tuyên án đến khi trả hết khoản nợ.

[9] Tại Khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, quy định: *2. Khi giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất.*

[10] Tại Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng…".*

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm [4] đến [10] nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định ông Bùi Văn D còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc là 305.000.000 đồng và lãi suất tiền vay tính đến nay chưa trả là 56.943.000 đồng, là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Hợp đồng tín dụng nêu trên và vi phạm các Điều: 278, 280 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và được Tòa án chấp nhận.

[11] Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2016/4234942/HĐBĐ ngày 14/04/2016 có mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, ông Bùi Văn D và bà Lê Thị Kim L đã tự nguyện ký vào hợp đồng thế chấp tài sản, đã được công chứng nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do đó, nếu ông Bùi Văn D không thanh toán được hoặc thanh toán không đủ nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2016/4234942/HĐBĐ ngày 14/04/2016, giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Bùi Văn D và bà Lê Thị Kim L để thu hồi nợ.

[12] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí đăng tin: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn là ông Bùi Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Người yêu cầu đăng tin đã tự nguyện chịu chi phí đăng tin là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 385 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không xét đến.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

-Áp dụng các Điều: 4, 8, 275, 278, 280, 470, 688 của Bộ luật Dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ.

2. Buộc ông Bùi Văn D phải trả số tiền: 361.943.000 (bằng chữ: Ba trăm sáu mốt triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 305.000.000 đồng, tiền lãi vay và phí ngân hàng tính đến ngày 08/10/2019 là 56.943.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ (thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Gia Lai).

Nếu ông Bùi Văn D không trả được hoặc trả không đủ nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2016/4234942/HĐBĐ ngày 14/04/2016, giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Bùi Văn D và bà Lê Thị Kim L để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/4234942/HĐTD ngày 14/4/2016, giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Bùi Văn D.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Bùi Văn D phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.097.150 (bằng chữ: Mười tám triệu không trăn chín mươi bảy nghìn một trăm năm mươi) đồng.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ (thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Gia Lai) số tiền 7.989.000 đồng (bằng chữ: Bảy triệu chín trăm tám mươi chín nghìn) đồng đã

nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0004554, ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Gia Lai.

4. Người được quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Báo cho: Ngân hàng TMCP Đ được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (08-10-2019). Ông Bùi Văn D và bà Lê Thị Kim L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố A;
-Chi cục THADS TP.A;
-Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thưởng